

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2023/HS-ST

Ngày: 21/07/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Vinh

Thẩm phán: Ông Nguyễn Gia Lương

Các hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Tuyết Trinh

Ông Khuông Văn Thông

Ông Ngô Kim Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 46/2023/TLST-HS ngày 26/5/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2023/QĐXXST- HS ngày 7/7/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: Thôn R, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh.

Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Tự do.

Văn hoá: 8/12.

Bố: Nguyễn Văn C1, sinh năm 1970.

Mẹ: Chu Thị H1, sinh năm 1973.

Vợ: Vi Thị T1, sinh năm 1998.

Có 03 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2020.

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là thứ hai.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Nhân thân:

- Ngày 14/7/2017, Công an xã L, huyện L xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau.

- Ngày 18/4/2019, Viện KSND huyện L ra Quyết định đình chỉ vụ án, đình chỉ bị can số 01 đối với H về tội cố ý gây thương tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/8/2022. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. Có mặt tại phiên tòa

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Hưng:*

1. Luật sư Ngọc Thị V – Công ty luật TNHH Ngọc An Gia – Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang (có mặt)

Địa chỉ: đường Q, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. Bà Nguyễn Hải L, Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

- *Bị hại:*

1. Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang

2. Chị Chu Thị Y, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn M, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

4. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Vũ Hồng K, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang

2. Chị Chu Thị U, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: TDP P, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

4. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

5. Ông Nguyễn Đình D, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

6. Ông Phạm Huy D1, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

7. Ông Nguyễn Xuân H2, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang

8. Anh Phạm Tiến H3, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

9. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

10. Chị Hoàng Ngọc A, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

11. Anh Đồng Văn M, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang

12. Bà Chu Thị H, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn R, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Dương Văn L, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn H, sinh năm 1993 ở thôn R, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang làm nghề môi giới bất động sản nhưng không có văn bằng, chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản hay làm việc cho các Công ty mua bán bất động sản. Khoảng tháng 02/2022, do cần tiền chi tiêu cá nhân nên H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của những người đặt cọc mua đất; H đã thu thập thông tin các thửa đất rồi đăng bán trên mạng xã hội facebook. H giới thiệu các thửa đất trên là của H hoặc H đã đặt cọc mua để mọi người tin tưởng giao tiền đặt cọc mua đất cho H rồi chiếm đoạt. Bằng thủ đoạn nêu trên, trong khoảng thời gian từ ngày 18/02/2022 đến ngày 05/3/2022, H đã chiếm đoạt của 04 người bị hại với tổng số tiền 500.000.000 đồng, cụ thể:

1. Chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1981 ở thôn C, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang số tiền 200.000.000 đồng

H quen với anh Đồng Văn M, sinh năm 1982 ở tổ dân phố C, thị trấn Đ, huyện L và anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 ở thôn H, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang từ trước; Anh M quen biết từ trước với anh P.

Khoảng tháng 02/2022, anh T gửi thông tin thửa đất (ảnh chụp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) có diện tích 3.871m² thuộc thôn T, xã L, huyện L cho H để nhờ H tìm người mua hộ. Sau đó H gửi thông tin thửa đất cho anh M và nói thửa đất trên H đã làm hợp đồng đặt cọc mua, nếu có ai muốn mua thì giới thiệu cho H. Anh M đã thông tin và giới thiệu cho anh P gặp H để thỏa thuận việc mua bán thửa đất. H nói với anh P thửa đất trên H đã đặt cọc mua với chủ đất; ngày

18/02/2022, H đưa vợ chồng anh P, anh M đi xem vị trí thửa đất. Sau khi xem thửa đất, do tin tưởng nên anh P đồng ý mua với giá 1.320.000.000 đồng; anh P chuyển khoản cho H số tiền 200.000.000 đồng để đặt cọc; H viết, ký hợp đồng đặt cọc giao anh P giữ, hẹn 20 ngày sau làm hợp đồng chuyển nhượng thì anh P sẽ thanh toán số tiền còn lại. Sau khi nhận tiền của anh P thì H không đến gặp, trao đổi, thoả thuận gì với anh T về việc mua bán thửa đất trên mà sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 08/3/2022, anh P liên hệ bảo H đến Văn phòng công chứng làm hợp đồng chuyển nhượng thì được H cho biết H không có đất bán cho anh P; số tiền nhận của anh P thì H đã chi tiêu hết. Anh P tìm hiểu thì được biết thửa đất trên H không đặt cọc, không phải của H. Ngày 20/5/2022, anh P làm đơn tố giác H lừa đảo chiếm đoạt 200.000.000 đồng (bút lục 73-75).

Cơ quan điều tra đã cho bị can H, anh P xác định lô đất mà H đưa đi xem, kết quả: Bị can H, anh P đều chỉ được đúng lô đất bị can H đã đưa anh P đi xem tại thôn T, xã L, huyện L (bút lục 375- 379).

Cơ quan điều tra Công an huyện L thu giữ 01 hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đề ngày 18/02/2022 (ký hiệu A4) và trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết (bút lục 458- 459).

Kết luận giám định số 1002 ngày 14/6/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: *Chữ ký, chữ viết dạng in qua giấy than trên hợp đồng đặt cọc đề ngày 18/2/2022 (trừ chữ ký, chữ viết dưới mục “Đại diện bên C- Đại diện bên B) là của Nguyễn Văn H* (bút lục 89).

Kết quả điều tra xác định: thửa đất có diện tích 3.871m² thuộc thôn T, xã L, huyện L có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S797962, được cấp lần đầu ngày 21/9/2001 cho gia đình ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1964 ở thôn T, xã L, huyện L. Ngày 16/3/2022, gia đình ông T2 đã chuyển nhượng cho ông Phùng Văn T3, sinh năm 1983 ở phường T, thành phố H, tỉnh H. Hiện thửa đất này do ông T3 sở hữu, chưa chuyển nhượng cho ai (bút lục 403- 414).

Quá trình điều tra, ông T2 khai cho vợ chồng anh T thửa đất trên bán lấy tiền xây nhà; ông T2 không thoả thuận mua bán hay uỷ quyền cho H thực hiện việc mua bán thửa đất trên. Anh T2 khai có gửi thông tin về thửa đất trên để nhờ H tìm người mua nhưng sau đó không thấy H trao đổi gì về việc mua bán thửa đất (bút lục 142-146; 164- 165).

* Về trách nhiệm dân sự: H đã trả lại anh P 200.000.000 đồng; anh P không yêu cầu gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho H (bút lục 469- 470; 483- 484).

2. Chiếm đoạt của chị Chu Thị Y, sinh năm 1989 ở thôn M, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang số tiền 150.000.000 đồng

H quen biết từ trước với chị Chu Thị Y và có kết bạn với nhau trên mạng xã hội Facebook; chị Yến có em gái là chị Chu Thị U, sinh năm 1991, trú tại tổ

dân phố P, trị trấn P, huyện L và quen biết từ trước anh Vũ Hồng K, sinh năm 1991, trú tại thôn G, xã T, huyện L (chị Y, chị U và anh K cùng chung vốn kinh doanh bất động sản).

Khoảng cuối tháng 02/2022, H biết gia đình các ông Phạm Huy D, sinh năm 1969 ở thôn H, xã B, huyện L có thửa đất diện tích 1.296m² tại thôn H, xã B, huyện L; ông Nguyễn Xuân H2, sinh năm 1957 ở thôn Đ, xã V, huyện L có thửa đất diện tích là 1.320m² tại thôn Đ, xã V, huyện L cần bán nên H thu thập thông tin về thửa đất này rồi đăng bài giao bán trên tài khoản facebook của H. Thấy bài đăng của H, chị U liên hệ với H hỏi mua và bảo H đưa đi xem đất, H đồng ý. Ngày 01/3/2022, H đưa chị U, chị Y, anh K đi xem vị trí thửa đất của gia đình ông D; H nói với chị Y, chị U và anh K thửa đất này H đã mua nhưng chưa làm thủ tục chuyển nhượng, khi nào làm thủ tục chuyển nhượng sẽ đưa cho mọi người xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do tin tưởng nên chị Y, chị U, anh K đồng ý mua với giá 710.000.000 đồng; chị Y chuyển khoản cho H 100.000.000 đồng để đặt cọc; H viết, ký hợp đồng đặt cọc giao chị Y giữ, hẹn đến ngày 25/3/2022 sẽ làm thủ tục chuyển nhượng và thanh toán nốt tiền.

Sau khi làm hợp đồng đặt cọc mua bán thửa đất trên, chị Y hỏi H về thửa đất diện tích là 1.320m² tại thôn Đ, xã V, huyện L thì H nói đây là thửa đất của H và đưa chị Y, chị U, anh K đi xem vị trí thửa đất. Do H bận việc phải đi trước nên chị Y, chị U, anh K và H chưa thoả thuận được việc mua bán. Cùng ngày 01/3/2022, chị Y liên hệ thoả thuận mua thửa đất trên với giá 750.000.000 đồng; chị Y chuyển khoản cho H số tiền 50.000.000 đồng để đặt cọc và hẹn buổi chiều cùng ngày sẽ làm hợp đồng đặt cọc với H nhưng H không đến.

Sau đó, chị Y được H cho biết các thửa đất trên không phải của H và số tiền nhận của chị Y thì H đã chi tiêu cá nhân hết. Ngày 21/5/2022, chị Y làm đơn tố giác H lừa đảo chiếm đoạt 150.000.000 đồng (bút lục 76- 79).

Cơ quan điều tra đã cho bị can H, chị Y xác định lô đất mà H đưa đi xem, kết quả: Bị can H, chị Y đều chỉ được đúng lô đất bị can H đã đưa chị Y đi xem tại thôn H, xã L, huyện L; thôn Đ, xã V, huyện L (bút lục 380- 389).

Cơ quan điều tra Công an huyện L thu giữ 01 hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đề ngày 01/3/2022 (ký hiệu A2) và trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết (bút lục 461- 462).

Kết luận giám định số 1002 ngày 14/6/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: *Chữ ký dạng chữ viết, chữ viết mang tên Nguyễn Văn H dưới mục “Đại diện bên A” trên hợp đồng đặt cọc ngày 01/03/2022 là của Nguyễn Văn H* (bút lục 89).

Kết quả điều tra xác định:

+ Thửa đất diện tích 1.296m² tại thôn H, xã B, huyện L có giấy chứng nhận quyền sử dụng số Q795608 được cấp lần đầu cho gia đình ông Nguyễn Đình D1, sinh năm 1973 ở thôn H, xã B, huyện L. Ông D1 bán cho ông Phạm

Huy D nhưng hai bên chưa làm thủ tục chuyển nhượng. Tháng 4/2022, ông D bán lại cho vợ chồng ông Bùi Thanh L, sinh năm 1984 trú tại Khu nhà ở xây lắp điện P, xã P, huyện H, thành phố Hà Nội. Hiện thửa đất đang thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông L (bút lục 431- 446).

+ Thửa đất diện tích là 1.320m² tại thôn Đ, xã V, huyện L có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S797250, được cấp lần đầu ngày 11/10/2001 cho gia đình ông Nguyễn Xuân H2, sinh năm 1957 ở thôn Đ, xã V, huyện L. Ngày 19/4/2022, gia đình ông H2 đã chuyển nhượng cho anh Lê Văn H4, sinh năm 1997 ở thôn A, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Hiện thửa đất này do anh H4 sở hữu, chưa chuyển nhượng cho ai (bút lục 415-420; 426- 430).

Quá trình điều tra, ông D1 và ông H2 khai không quen biết H, không thoả thuận mua bán hay uỷ quyền cho H thực hiện việc mua bán thửa đất nào (bút lục 138- 141; 146- 149).

* Về trách nhiệm dân sự: H đã trả lại chị Y 150.000.000 đồng; chị Y không yêu cầu gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho H (bút lục 467- 468; 485- 486).

3. Chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990 ở thôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang số tiền 50.000.000 đồng

H quen biết chị Nguyễn Thị T từ trước. Khoảng cuối tháng 02/2022, chị T biết H đang giao bán thửa đất diện tích 1.320m² tại thôn Đ, xã V, huyện L nên chị T tự đi xem vị trí thửa đất này. Ngày 02/3/2023, chị T đến gặp H hỏi mua thửa đất và được H cho biết thửa đất trên H đã đặt cọc với chủ đất, nếu chị T muốn mua thì H bán lại. Do tin tưởng nên chị T đồng ý mua với giá 738.000.000 đồng; chị T giao cho H 50.000.000 đồng để đặt cọc mua đất; H viết, ký hợp đồng đặt cọc giao chị T giữ, hẹn đến ngày 02/4/2022 làm hợp đồng chuyển nhượng và thanh toán nốt tiền. Đến ngày 02/4/2022, chị T liên lạc với H nhưng không được, chị T tìm hiểu thì biết thửa đất trên không phải của H và H cũng nhận tiền đặt cọc mua bán thửa đất này với chị Y.

Ngày 02/6/2022, chị T làm đơn tố giác H có hành vi lừa đảo chiếm đoạt 50.000.000 đồng (bút lục 83-84)

Cơ quan điều tra đã cho bị can H, chị T xác định lô đất mà H nhận tiền đặt cọc bán cho chị T, chị Y kết quả: Bị can H, chị T đều chỉ được đúng lô đất bị can H đã nhận tiền đặt cọc bán chị T, chị Y tại thôn Đ, xã V, huyện L (bút lục 385- 389).

Cơ quan điều tra Công an huyện L thu giữ 01 hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đề ngày 02/3/2022 (ký hiệu A3) và trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết (bút lục 463- 464).

Kết luận giám định số 1002/KL-KTHS ngày 14/6/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: *Chữ ký dạng chữ viết, chữ viết*

mang tên Nguyễn Văn H dưới mục “Đại diện bên A” trên hợp đồng đặt cọc ngày 02/03/2022 là của Nguyễn Văn H (bút lục 89).

Kết quả điều tra xác định: Thửa đất diện tích là 1.320m² tại thôn Đ, xã V, huyện L có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S797250, được cấp lần đầu ngày 11/10/2001 cho gia đình ông Nguyễn Xuân H2, sinh năm 1957 ở thôn Đ, xã V, huyện L. Ngày 19/4/2022, gia đình ông H2 đã chuyển nhượng cho anh Lê Văn H4, sinh năm 1997 ở thôn A, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Hiện thửa đất này do anh H4 sở hữu, chưa chuyển nhượng cho ai (bút lục 415-420; 426- 430).

Quá trình điều tra, ông D1 khai không quen biết H, không thoả thuận mua bán hay uỷ quyền cho H thực hiện việc mua bán thửa đất nào (bút lục 138- 141; 146- 149).

* Về trách nhiệm dân sự: H đã trả lại chị T 50.000.000 đồng; chị T không yêu cầu gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho H (bút lục 473- 474; 477- 478).

4. Chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1991 ở thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang số tiền 100.000.000 đồng

H quen biết từ trước với anh Nguyễn Văn B. Khoảng đầu tháng 3/2022, H biết anh Phạm Tiến H5, sinh năm 1990, trú tại thôn Đ, xã L, huyện L cần bán thửa đất có diện tích là 9.500m² tại thôn Đ, xã L, huyện L nên H thu thập thông tin về thửa đất này rồi đăng bài giao bán trên tài khoản facebook của H. Thấy bài đăng của H, anh B liên hệ với H hỏi mua và bảo H đưa đi xem vị trí thửa đất, H đồng ý. Do H bận việc cá nhân nên nhờ anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1995 ở thôn A, xã V, huyện L đưa anh B đi xem thửa đất. Sau khi xem thửa đất, anh B đồng ý mua thửa đất.

Ngày 05/3/2022 tại nhà anh T1, H nói thửa đất trên H được người khác nhờ bán hộ và cho anh B xem ảnh chụp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do tin tưởng nên anh B đồng ý mua với giá 930.000.000 đồng; anh B giao cho H 100.000.000 đồng để đặt cọc mua đất; H viết, ký hợp đồng đặt cọc giao anh B giữ, hẹn đến ngày 25/3/2022 sẽ làm hợp đồng chuyển nhượng và thanh toán nốt tiền. Sau khi nhận tiền đặt cọc mua đất của anh B, H trả công 20.000.000 đồng cho anh T. Ngày 25/3/2022, anh B liên hệ bảo H đến Văn phòng công chứng làm hợp đồng chuyển nhượng thì được H cho biết H không có đất bán cho anh B; số tiền đã nhận của anh B thì H đã chi tiêu hết.

Ngày 21/5/2022, anh B làm đơn tố giác H lừa đảo chiếm đoạt 100.000.000 đồng (bút lục 80- 81).

Cơ quan điều tra đã cho bị can H xác định lô đất mà H nhận tiền đặt cọc bán cho anh B kết quả: Bị can H chỉ được đúng lô đất bị can H đã nhận tiền đặt cọc bán anh B tại thôn Đ, xã L, huyện L (bút lục 369- 374).

Cơ quan điều tra Công an huyện L thu giữ 01 hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đề ngày 05/3/2022 (ký hiệu A1) và trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết (bút lục 459- 460).

Kết luận giám định số 1002 ngày 14/6/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: *Chữ ký dạng chữ viết, chữ viết mang tên Nguyễn Văn H dưới mục “Đại diện bên A” trên hợp đồng đặt cọc ngày 05/03/2022 là của Nguyễn Văn H* (bút lục 89).

Kết quả điều tra xác định: Thửa đất có diện tích là 9.500m² tại thôn Đ, xã L, huyện L có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q764832, được cấp lần đầu ngày 11/10/2000 cho gia đình ông Đặng Văn N, sinh năm 1967 ở thôn Đ, xã L, huyện L. Hiện thửa đất trên thuộc quyền sở hữu của anh Phạm Tiến H5, sinh năm 1990 trú tại thôn Đ, xã L, huyện L, chưa chuyển nhượng cho ai (bút lục 401-402).

Quá trình điều tra, anh H5 khai không thoả thuận mua bán hay uỷ quyền cho H thực hiện việc mua bán thửa đất trên (bút lục 150- 153).

Đối với Nguyễn Văn T1 không biết H dùng thủ đoạn gian dối lừa đảo chiếm đoạt 100.000.000 đồng của anh B; khi biết H bị mọi người tố giác lừa đảo chiếm đoạt tài sản, anh T1 đã trả lại H số tiền 20.000.000 đồng (bút lục 182-185).

* Về trách nhiệm dân sự: H đã trả lại anh B 100.000.000 đồng; anh B không yêu cầu gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho H (bút lục 471-472; 481- 482).

Quá trình điều tra, bị can Nguyễn Văn H khai nhận hành vi phạm tội như trên, đến nay H đã trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của các bị hại.

Bản cáo trạng số 34/CT-VKS- P2 ngày 26/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án, bị cáo cũng thừa nhận hành vi phạm tội của mình, cáo trạng truy tố bị cáo như vậy là đúng, không oan. Về số tiền chiếm đoạt bị cáo đã tác động gia đình bồi thường hết cho các bị hại. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị hại anh P trình bày bị cáo nhận cọc mua đất của anh 200.000.000đ. Bị cáo và gia đình đã trả xong, anh không có yêu cầu gì. Đề nghị hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị hại chị Y trình bày đặt cọc mua đất cho bị cáo 150.000.000đ. Gia đình bị cáo đã khắc phục hết. Chị không yêu cầu gì. Đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Hồng K, ông Nguyễn Xuân H3, Anh: Đồng Văn M trình bày hành vi phạm tội của bị cáo không gây thiệt hại nên không có yêu cầu gì.

- Bà Chu Thị H1 không có yêu cầu gì về số tiền đã bồi thường cho bị hại. Đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Qua thẩm vấn tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu lời luận tội giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo Nguyễn Văn H. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 7 năm đến 7 năm 6 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo đã trả đủ cho các bị hại số tiền bị cáo chiếm đoạt nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Gia đình bị cáo là hộ cận nghèo nên miễn án phí cho bị cáo.

- Luật sư Ngọc Thị V trình bày luận cứ bào chữa: Về tội danh, luật sư nhất trí không có ý kiến gì. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Có lỗi của các bị hại dễ dãi, nhẹ dạ, tạo điều kiện cho bị cáo phạm tội. Về tình tiết giảm nhẹ bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, gia đình bị cáo khó khăn hộ cận nghèo. Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo mức 7 năm tù.

- Trợ giúp viên pháp lý bà Nguyễn Hải L: Nhất trí với quan điểm luật sư Vui. Bị cáo phạm tội chiếm đoạt ở mức khởi điểm khoản 4 Điều 174 là 500.000.000đ và đã khắc phục toàn bộ hậu quả. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị HĐXX áp dụng điều 54 BLHS xử phạt định mức thấp nhất khung hình phạt.

- Viện Kiểm Sát đối đáp: các bị hại có phần lỗi không đáng kể do cả tin và số tiền chiếm đoạt chỉ là tiền đặt cọc.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Văn H: Đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo một mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố xét xử: Kể từ khi khởi tố vụ án hình sự, trong giai đoạn điều tra, truy tố vụ án, HĐXX thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên và Luật sư bào chữa cho bị cáo đã cơ bản thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, Kiểm sát viên thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, không có hành vi, quyết định tố tụng nào vi phạm tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã được Tòa án tổng đạt hợp

lệ văn bản của Tòa án về thời gian mở phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy quá trình điều tra đã có lời khai của những người này nên việc vắng mặt của họ không trở ngại cho việc xét xử. Do đó, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng trên theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn H đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu, xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ cơ quan điều tra đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án. Có đủ căn cứ xác định: Do cần tiền chi tiêu cá nhân nên Nguyễn Văn H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của những người đặt cọc mua đất; H đã thu thập thông tin các thửa đất rồi đăng bán trên mạng xã hội facebook, đưa ra các thông tin gian dối các thửa đất trên là của H hoặc H đã đặt cọc mua để người khác tin tưởng giao tiền đặt cọc mua đất cho H rồi chiếm đoạt. Bằng thủ đoạn nêu trên, trong khoảng thời gian từ ngày 18/02/2022 đến ngày 05/3/2022, H đã chiếm đoạt của 04 người bị hại là anh Nguyễn Văn P 200.000.000 đồng, chị Chu Thị Y 150.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị T 50.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn B 100.000.000 đồng. Tổng số tiền H đã chiếm đoạt là 500.000.000 đồng, đến nay H đã trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại.

Do vậy, HĐXX đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang đã truy tố về tội danh, điểm khoản, điều luật của Bộ luật hình sự đối với bị cáo là có căn cứ

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội và đặt biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa phương, ảnh hưởng lớn tới trật tự quản lý hành chính Nhà nước. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

[5] Xét về nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy:

+ Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Văn H có nhân thân xấu. Ngày 14/7/2017, H bị Công an xã L, huyện L xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau. Ngày 18/4/2019, Viện KSND huyện L ra Quyết định đình chỉ vụ án, đình chỉ bị can số 01 đối với H về tội cố ý gây thương tích.

+ Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

+ Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do đó được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ý kiến luật sư xác định bị hại có lỗi là không có căn cứ.

[6] Về hình phạt: Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội các bị cáo đã thực hiện, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt tương xứng, bắt bị cáo cách ly xã hội một thời gian dài tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân tốt, biết tuân thủ pháp luật. Xét bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự phạt bị cáo dưới mức thấp nhất khung hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và luật sư tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Do gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7]. Ngoài ra trong tháng 01/2022 Nguyễn Văn H có thỏa thuận mua bán thửa đất của anh Bàn Văn L1, sinh năm 1990 ở thôn T, xã T, huyện L1 rồi bán lại cho anh Đỗ Văn B1, sinh năm 1988, trú tại phường N, thành phố B nhưng không làm thủ tục chuyển nhượng được; H đã trả lại tiền đặt cọc cho anh B1 và anh B1 không có yêu cầu đề nghị gì. Cơ quan điều tra kết luận đây chỉ là quan hệ dân sự nên không xử lý.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, bị cáo H đã trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại. Không có bị hại nào yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo thuộc hộ cận nghèo cần miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 7 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 04/8/2022.

2. Về án phí: Áp dụng điểm đ điểm 1 Điều 12 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án:

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn H.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang
- Bị cáo, người bào chữa;
- Người TGT;
- Lưu HS, TT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hải Vinh